

B GIAO THÔNG V N T I
B GIAO THÔNG V N T I

C NG HđA Xí H I CH NGHAA VI T NAM
ñ c l p - T do - H nh ph^{3/4}c

B NG ãI M CHI TI T MĐN H C - MĐN KI M TRA

NÑm h c : 2013-2014

L p h c : T t c

H c km : HK01

M»n h c : Thi c»ng c u 1

STT	MÃ SV	H Vĩ TĩN		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
1	3551010193	Ph m Vi t	Anh	5.0	6.0	6.0	5.0	6.0		2.5			4.9	4.9			
2	3551010159	Lê Thanh	Bình	5.0	5.0	5.0	6.0	5.0		2.0			4.5	4.5			
3	3551010001	Phan Thanh	Chi n	5.0	6.0	5.0	5.0	5.0		1.5			4.3	4.3			
4	3551010227	Lê Khánh	Duy	7.0	8.0	8.0	7.0	8.0		1.0			6.1	6.1			
5	3551010379	Bùi Hoàng	ñ o	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
6	3551010163	Tr n Ti n	ñ t	7.0	6.0	8.0	7.0	7.0		4.0			6.3	6.3			
7	3551010174	ñ Ồ ã nh	Hào	8.0	7.0	8.0	9.0	8.0		0.0			6.2	6.2			
8	3551010287	Nguy n VÑ	Hi n	7.0	8.0	6.0	7.0	8.0		1.0			5.8	5.8			
9	3551010186	Châu Thành	Hi u	8.0	7.0	8.0	9.0	8.0		1.0			6.4	6.4			
10	3551010268	H Phi	Hi u	7.0	6.0	7.0	7.0	6.0		0.0			5.1	5.1			
11	3551010359	Nguy n Minh	Hi u	7.0	8.0	6.0	8.0	8.0		2.5			6.3	6.3			
12	3551010252	Nguy n VÑ	Hòa	0.0	3.0	1.0	4.0	2.0		0.0			1.5	1.5			
13	3551010363	V½ñ nh	Hòa	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
14	3551010288	Nguy n Nh t	Huy	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0		0.5			6.0	6.0			
15	3551010257	Tr nh Thanh	Huy	8.0	7.0	7.0	8.0	8.0		1.5			6.2	6.2			
16	3551010170	Nguy n Phi	Hùng	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		2.0			6.6	6.6			
17	3551010239	Ph m VÑ	H ng	4.0	5.0	6.0	4.0	6.0		3.3			4.6	4.6			
18	3551010164	Nguy n VÑ	Ki t	6.0	8.0	7.0	6.0	8.0		0.5			5.5	5.5			
19	3551010218	Hoàng Xuân	Lâm	5.0	5.0	4.0	6.0	4.0		0.5			3.8	3.8			
20	3551010188	Nguy n VÑ	Linh	0.0	0.0	3.0	0.0	2.0		0.0			0.8	0.8			
21	3551010356	Bị Nh	Long	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		1.0			6.4	6.4			
22	3551010179	V½T n	Long	8.0	8.0	7.0	8.0	9.0		1.0			6.4	6.4			
23	3551010267	Võ Thành	Luân	7.0	8.0	7.0	6.0	7.0		2.8			6.0	6.0			
24	3551010388	V½VÑ	Luân	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0		3.3			6.1	6.1			
25	3551010397	Tr n Ch´	Nghĩa	7.0	6.0	5.0	7.0	5.0		1.0			4.8	4.8			
26	3551010354	Ph m ã Ñg	Nh t	8.0	9.0	7.0	8.0	8.0		1.0			6.4	6.4			
27	3551010154	Nguy n ã nh	Nh t	4.0	5.0	5.0	6.0	4.0		0.0			3.7	3.7			
28	3551010212	Huunh	Pha	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
29	3551010142	Huunh VÑ	Pháp	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0		2.8			6.5	6.5			

STT	MÃ SV	H Vị Tế N		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
30	3551010151	L ² ñ c	Phú	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		3.0			6.8	6.8			
31	3551010313	Tr ng Ng c	Phú	7.0	8.0	8.0	9.0	8.0		1.0			6.4	6.4			
32	3551010292	L ² ñ c	Quân	6.0	7.0	6.0	7.0	7.0		1.5			5.4	5.4			
33	3551010184	Ph m VÑ	Qu c	7.0	8.0	7.0	7.0	7.0		3.0			6.2	6.2			
34	3551010155	VIOVÑ	Quy t	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		4.5			7.2	7.2			
35	3551010220	Phan VÑ	Quý	6.0	7.0	5.0	6.0	7.0		1.5			5.1	5.1			
36	3551010198	Ph m Minh	Sang	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		2.0			6.6	6.6			
37	3551010238	Cao Thanh	Tâm	7.0	8.0	7.0	7.0	6.0		2.5			6.0	6.0			
38	3551010411	L ² VÑ	Ti n	6.0	7.0	7.0	7.0	6.0		2.0			5.5	5.5			
39	3551010316	Phan Thành	T t	7.0	8.0	7.0	8.0	8.0		1.0			6.1	6.1			
40	3551010393	H ñ c	Tu n	6.0	7.0	5.0	6.0	6.0		3.0			5.3	5.3			
41	3551010145	VIOVÑ	Thanh	8.0	8.0	7.0	9.0	8.0		2.5			6.7	6.7			
42	3551010202	L ² S	Thành	7.0	9.0	8.0	8.0	8.0		0.5			6.3	6.3			
43	3551010260	V ¹ / ₂ VÑ	Thành	8.0	8.0	8.0	7.0	9.0		2.0			6.6	6.6			
44	3551010374	Tô Mai Quang	Thái	0.0	3.0	0.0	2.0	0.0		0.0			0.8	0.8			
45	3551010205	Bùi Quang	Th ng	3.0	4.0	5.0	5.0	5.0		1.5			3.7	3.7			
46	3551010160	Huỳnh Minh	Thi n	7.0	8.0	9.0	8.0	8.0		1.5			6.5	6.5			
47	3551010214	L ng Ch´	Thông	8.0	8.0	7.0	9.0	8.0		2.0			6.6	6.6			
48	3551010416	Nguy n C»ng	Thùy	7.0	9.0	8.0	8.0	8.0		0.0			6.2	6.2			
49	3551010296	Tr n VÑ	Th c	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0		1.0			6.2	6.2			
50	3551010341	Ph m ñ ph	VÑ	6.0	7.0	6.0	7.0	7.0		4.5			6.1	6.1			
51	3551010147	Tr ng Minh	Vi t	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0		2.0			6.6	6.6			

T ng s : 51 h c sinh - sinh vi²n.

X p lo i	S l ng	T l (%)
ñ t	37	71
Kh»ng ñ t	15	28

Tp.HCM, ng© 14 th"ng 1 nÑn 2014

Tr ng Khoa

Gi"o vi²n b m»n

Gi"o v Khoa